TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHAN THIẾT** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29/7/2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hà Thị Ái Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kiều Thu
2. Ông Nguyễn Bính

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Minh Khuê , Thư ký Toà án nhân dân thành phố , tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận *tham gia phiên toà*: Ông Hồ Trần Trung, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 341/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 206/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 225/2019/QĐST - HNGĐ ngày 22/7/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà A, sinh năm: 1988.
Địa chỉ: khu phố A, phường B, thành phố C, tỉnh Bình Thuận.
2. Bị đơn: Ông L, sinh năm: 1982.
Địa chỉ: khu phố N, phường B, thành phố C, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày:

Bà A và ông L tự nguyện chung sống từ năm 2007, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 27, quyển số 01/2007, tại UBND phường B, thành phố C vào ngày 12/4/2007.

Sau khi cưới nhau vợ chồng ông L, bà A chỉ hạnh phúc được một năm đầu. Thời gian sau này vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do ông bà không hợp nhau, không cùng quan điểm nên thường xuyên cãi

nhau, ông L và bà A đã hòa giải nhưng không có kết quả. Ông L và bà A đã sống ly thân nhau từ năm 2008 cho đến nay, mạnh ai người đó sống, không còn qua lại nữa.

Nay bà A xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà A yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

- Về con chung: Bà L và bà A có 01 con chung tên H, sinh ngày 18/10/2007.

Ly hôn bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà A khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà A khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bi đơn ông L trình bày:

Ông L và bà A tự nguyện chung sống và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại tại UBND phường B, thành phố C vào ngày 12/4/2007.

Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nên đã không còn chung sống hơn 8 năm nay.

Nay bà A xin ly hôn, ông L đồng ý ly hôn để cả hai ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Ông L và bà A có 01 con chung tên H, sinh ngày 18/10/2007.

Ly hôn ông L đồng ý giao con cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, ông L không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông L khai không có.

- Về nợ chung: Ông L khai không có.

Ông L đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên Toà án không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải được.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết phát biểu: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thông qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa, Viện kiểm sát có ý kiến như sau :

- Về tố tụng : từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán, thư ký chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng quy định.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tiến hành các trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với người tham gia tố tụng : nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật và chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Bị đơn chưa thực hiện

đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và vắng mặt tại phiên tòa.

- Về nội dung : Qua xem xét hồ sơ và lời khai của đương sự tại phiên tòa, Viện kiểm sát thấy rằng tình cảm vợ chồng giữa bà A và ông L không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn. Do đó:

Về hôn nhân : đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà A, bà A được ly hôn với ông L.

Về con chung: giao con chung tên H, sinh ngày 18/10/2007 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, bà A không yêu cầu ông Bảy cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung : do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Viện kiểm sát không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, nghe lời trình bày của đương sự và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà A có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn ông L. Ông L là bị đơn trong vụ án có địa chỉ cư trú khu phố N, phường B, thành phố C, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà A thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết theo qui định tại khoản 01 Điều 28; điểm a khoản 01 Điều 35; điểm a khoản 01 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt:

Ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Llà đúng quy định của pháp luật.

[3] Về hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy bà A và ông L sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố Phan Thiết vào ngày 12/4/2007, giấy chứng nhận kết hôn số 27, quyển số 01/2007.

Trong quá trình chung sống do hai bên có sự bất đồng về cách sống nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, bà A và ông L không còn sự yêu thương, quý trọng nhau, bỏ mặc nhau muốn sống ra sao thì sống, hôn nhân không còn hạnh phúc. Ông L và bà A đã sống ly thân nhau từ năm 2008 cho đến nay. Nay bà A xác định tình cảm vợ chồng với ông L không còn nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

Về phía ông L, ông L xác định ông và bà A chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, ông không còn tình cảm vợ chồng với bà A nên ông đồng ý ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện để ông L và bà A hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng ông L vắng mặt.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng của vợ chồng bà A và ông L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 01 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A

[4] Về nuôi con: Bà A và ông L có 01 con chung tên H, sinh ngày 18/10/2007.

Tại phiên tòa bà A yêu cầu nuôi con. Xét thấy hiện nay bà A là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, cháu H có nguyện vọng muốn ở với mẹ. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà A, giao cháu H cho bà A tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng: Bà A không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: bà A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: bà A khai không có nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: bà A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 01 Điều 28, khoản 01 Điều 35, khoản 01 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân : Cho ly hôn giữa bà A và ông L.

2. Về nuôi con: Ông L giao con chung tên H, sinh ngày 18/10/2007 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng. Bà A không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Bà A và ông L có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn. Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3.Về án phí: Bà A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngày 30/5/2019 bà A đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0027615 tại Chi cục thi hành án thành phố Phan Thiết nay chuyển sang thành án phí và sung công quỹ nhà nước. Bà A đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/7/2019). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- *Các đương sự*
- *Viện kiểm sát nhân dân Phan Thiết*
- *Toà án tỉnh Bình Thuận*
- *Thi hành án dân sự Phan Thiết*
- *UBND phường B, Phan Thiết.*
- *Lưu*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Hà Thị Ái Quyên